

3  
SỞ Y TẾ TUYÊN QUANG  
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN  
YÊN SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 09 tháng 05 năm 2023

**Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hóa**

V/v: Đề nghị cung cấp bản báo giá hàng hóa, vật tư, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ công tác chuyên môn cho Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn;

Căn cứ Kế hoạch mua sắm phục vụ công tác chuyên môn năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn;

Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn có nhu cầu mua sắm hàng hóa, vật tư, công cụ vật rẻ tiền mau hỏng để phục vụ công tác chuyên môn năm 2023 cụ thể:

- Mặt hàng: Gồm 202 mặt hàng

( Có biểu tổng hợp các mặt hàng gửi theo phiếu yêu cầu bán giá)

Đề nghị các nhà thầu/nhà cung cấp có năng lực, kinh nghiệm thực hiện cung ứng hàng hóa, vật tư, công cụ vật rẻ tiền mau hỏng để phục vụ công tác chuyên môn năm 2023 cho Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn gửi bản báo giá trước ngày 15/05/2023 đến địa chỉ:

Tên đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn

Địa chỉ: Tổ 13, phường An Tường, Tp. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Điện thoại: 0207 3872315/ 489

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu KT(T)

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM  
Y TẾ  
HUYỆN YÊN SƠN  
Hoàng Mạnh Hùng

**SỞ Y TẾ TUYÊN QUANG**  
**TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN SƠN**

**DANH MỤC HÀNG HÓA, VẬT TƯ, VẬT RẺ TIỀN MAU HỒNG YÊU CẦU NHÀ CUNG CẤP BÁO GIÁ**

(Kèm theo công văn ngày 09/05/2023 của Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn)

| STT | Tên hàng hóa, sản phẩm                | Quy cách/thông số kỹ thuật hoặc tương đương | Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm | Xuất xứ | Đơn vị tính | Tổng cộng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|---------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------|---------|-------------|-----------|---------------|------------------|
| 1   | Băng dính trắng to dày                |                                             |                                   |         | Cuộn        | 71        |               |                  |
| 2   | Băng dính trắng bé dày                |                                             |                                   |         | Cuộn        | 166       |               |                  |
| 3   | Băng dính xanh lụa to dày sẵn         |                                             |                                   |         | Cuộn        | 70        |               |                  |
| 4   | Bìa A4 ngoại màu xanh                 |                                             |                                   |         | Gam         | 29        |               |                  |
| 5   | Bìa A4 ngoại màu hồng                 |                                             |                                   |         | Gam         | 14        |               |                  |
| 6   | Bìa A4 ngoại màu vàng                 |                                             |                                   |         | Gam         | 16        |               |                  |
| 7   | Bìa A4 viết trì màu hồng              |                                             |                                   |         | Gam         | 10        |               |                  |
| 8   | Bìa bong kính nưon meka đông tại liêu |                                             |                                   |         | Gam         | 20        |               |                  |
| 9   | Bút đánh dấu xanh                     |                                             |                                   |         | Cái         | 16        |               |                  |
| 10  | Bút dạ kính Thiên Long                |                                             |                                   |         | Cái         | 133       |               |                  |
| 11  | Bút bi đen (Thiên long)               |                                             |                                   |         | Cái         | 3732      |               |                  |
| 12  | Bút bi xanh (Thiên long)              |                                             |                                   |         | Cái         | 750       |               |                  |
| 13  | Bút bi đỏ (Thiên long)                |                                             |                                   |         | Cái         | 202       |               |                  |
| 14  | Bút bi xanh dính bàn                  |                                             |                                   |         | Đôi         | 43        |               |                  |
| 15  | Bút dạ nhớ đồng Thiên long            |                                             |                                   |         | Cái         | 8         |               |                  |
| 16  | Bút kim xanh                          |                                             |                                   |         | Cái         | 20        |               |                  |
| 17  | Bút kim đen                           |                                             |                                   |         | Cái         | 20        |               |                  |
| 18  | Bút ký xanh ngòi to                   |                                             |                                   |         | Cái         | 73        |               |                  |
| 19  | Bút chì                               |                                             |                                   |         | Cái         | 30        |               |                  |
| 20  | Bút phoóc ( đen)                      |                                             |                                   |         | Cái         | 68        |               |                  |
| 21  | Bút xóa nhậ                           |                                             |                                   |         | Cái         | 25        |               |                  |
| 22  | Bộ dụng cụ sửa chữa đa năng           |                                             |                                   |         | Bộ          | 1         |               |                  |
| 23  | Cặp 3 dây (33x24cm) - gáy xanh        |                                             |                                   |         | Cái         | 560       |               |                  |
| 24  | Cặp nilon đựng tài liệu loại to dày   |                                             |                                   |         | Cái         | 640       |               |                  |
| 25  | Cặp nilon đựng tài liệu nhờ dây       |                                             |                                   |         | Cái         | 50        |               |                  |
| 26  | Cặp công tác                          |                                             |                                   |         | Cái         | 6         |               |                  |
| 27  | Cặp hộp lưu trữ tài liệu 10 phân      |                                             |                                   |         | Cái         | 30        |               |                  |
| 28  | Cặp hộp lưu trữ tài liệu 7 phân       |                                             |                                   |         | Cái         | 20        |               |                  |
| 29  | Dập ghim nhỏ số 10                    |                                             |                                   |         | Cái         | 23        |               |                  |
| 30  | Dập ghim nhờ xoay đóng bệnh án        |                                             |                                   |         | Cái         | 7         |               |                  |
| 31  | Dây bơm dẫn nước                      |                                             |                                   |         | Mét         | 100       |               |                  |
| 32  | Dây điện 2,5 ly                       |                                             |                                   |         | Mét         | 40        |               |                  |
| 33  | Ghim cài                              |                                             |                                   |         | Hộp         | 110       |               |                  |
| 34  | Ghim dập mi li (10)                   |                                             |                                   |         | Hộp         | 441       |               |                  |
| 35  | Ghim dập to đóng bệnh án              |                                             |                                   |         | Hộp         | 193       |               |                  |
| 36  | Ghim dập nhờ cỡ 23 đại                |                                             |                                   |         | hộp         | 5         |               |                  |
| 37  | Giấy dán góc/giao việc nhỏ 3x4        |                                             |                                   |         | Tập         | 24        |               |                  |
| 38  | Giấy dán góc/giao việc to 3x5         |                                             |                                   |         | Tập         | 131       |               |                  |
| 39  | Giấy nhac việc nhieu mau/phần trang   |                                             |                                   |         | Tập         | 76        |               |                  |
| 40  | Giấy gói thuốc đông y                 |                                             |                                   |         | Kg          | 250       |               |                  |
| 41  | Giấy in A4                            |                                             |                                   |         | Gam         | 1498      |               |                  |
| 42  | Giấy in A5                            |                                             |                                   |         | Gam         | 491       |               |                  |
| 43  | Giá cài ống nghiệm phi 10             |                                             |                                   |         | Cái         | 1         |               |                  |
| 44  | Giá cài ống nghiệm phi 16             |                                             |                                   |         | Cái         | 1         |               |                  |
| 45  | Gọt bút chì                           |                                             |                                   |         | Cái         | 2         |               |                  |
| 46  | Kẹp tài liệu sắt nhỏ                  |                                             |                                   |         | Hộp         | 99        |               |                  |
| 47  | Kẹp tài liệu sắt nhờ                  |                                             |                                   |         | Hộp         | 117       |               |                  |
| 48  | Kẹp tài liệu sắt to                   |                                             |                                   |         | Hộp         | 108       |               |                  |

| STT | Tên hàng hóa, sản phẩm              | Quy cách/thông số kỹ thuật hoặc tương đương | Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm | Xuất xứ | Đơn vị tính | Tổng cộng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|-------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------|---------|-------------|-----------|---------------|------------------|
| 49  | Khay vuông inox để ẩm chén có lỗ    |                                             |                                   |         | Cái         | 1         |               |                  |
| 50  | Hộp dầu đỏ                          |                                             |                                   |         | Hộp         | 4         |               |                  |
| 51  | Lọ mực dầu màu xanh                 |                                             |                                   |         | Lọ          | 6         |               |                  |
| 52  | Lọ mực dầu đỏ shinny                |                                             |                                   |         | Lọ          | 22        |               |                  |
| 53  | Máy tính Casio                      |                                             |                                   |         | Cái         | 1         |               |                  |
| 54  | Máy sấy tóc loại to(sấy in phim)    |                                             |                                   |         | Cái         | 2         |               |                  |
| 55  | Micro có dây                        |                                             |                                   |         | Cái         | 2         |               |                  |
| 56  | Micro không dây                     |                                             |                                   |         | Cái         | 2         |               |                  |
| 57  | Sổ da bìa đen A4                    |                                             |                                   |         | Quyển       | 74        |               |                  |
| 58  | Sổ giáo ban đầy đẹp A4              |                                             |                                   |         | Quyển       | 84        |               |                  |
| 59  | Sổ công văn đến                     |                                             |                                   |         | Quyển       | 4         |               |                  |
| 60  | Sổ công văn đi                      |                                             |                                   |         | Quyển       | 3         |               |                  |
| 61  | Vở kẻ ngang                         |                                             |                                   |         | Quyển       | 176       |               |                  |
| 62  | Hót rác nhựa cán dài                |                                             |                                   |         | Cái         | 32        |               |                  |
| 63  | Sọt nhựa đựng rác                   |                                             |                                   |         | Cái         | 7         |               |                  |
| 64  | Thước kẻ nhựa mi ca 30cm            |                                             |                                   |         | Cái         | 20        |               |                  |
| 65  | Đèn pin khám bệnh                   |                                             |                                   |         | Cái         | 7         |               |                  |
| 66  | Đèn tích điện                       |                                             |                                   |         | Cái         | 4         |               |                  |
| 67  | Đui bóng điện xoáy                  |                                             |                                   |         | Cái         | 65        |               |                  |
| 68  | Đồng hồ treo tường                  |                                             |                                   |         | Cái         | 3         |               |                  |
| 69  | Dây ổ cắm điện 6 lỗ 5 m Lioa        |                                             |                                   |         | Cái         | 37        |               |                  |
| 70  | ổ cắm điện tường                    |                                             |                                   |         | Cái         | 5         |               |                  |
| 71  | Bình đựng nước uống thủy tinh       |                                             |                                   |         | Cái         | 5         |               |                  |
| 72  | Bình thủy tinh đựng nước nóng       |                                             |                                   |         | Cái         | 2         |               |                  |
| 73  | Bình nhựa đựng nước pha thuốc       |                                             |                                   |         | Cái         | 2         |               |                  |
| 74  | Bàn chải giặt,cọ dụng cụ            |                                             |                                   |         | Cái         | 38        |               |                  |
| 75  | Phôi sắt cọ dụng cụ                 |                                             |                                   |         | Cái         | 10        |               |                  |
| 76  | Bóng đèn Led (40W)                  |                                             |                                   |         | Cái         | 30        |               |                  |
| 77  | Bóng đèn Led (60W)                  |                                             |                                   |         | Cái         | 20        |               |                  |
| 78  | Bóng compac (50W)                   |                                             |                                   |         | Cái         | 30        |               |                  |
| 79  | Bóng compac (40W)                   |                                             |                                   |         | Cái         | 44        |               |                  |
| 80  | Bóng compac (30W)                   |                                             |                                   |         | Cái         | 25        |               |                  |
| 81  | Bóng compac (20W)                   |                                             |                                   |         | Cái         | 20        |               |                  |
| 82  | Bóng tuýp led 1,2m                  |                                             |                                   |         | Cái         | 21        |               |                  |
| 83  | Bóng led bán nguyệt 1,2m            |                                             |                                   |         | Bộ          | 20        |               |                  |
| 84  | Bóng led bán nguyệt 0,6m            |                                             |                                   |         | Bộ          | 2         |               |                  |
| 85  | Băng dính điện /băng tan            |                                             |                                   |         | Cuộn        | 3         |               |                  |
| 86  | Bếp từ                              |                                             |                                   |         | Cái         | 1         |               |                  |
| 87  | Bộ lau nhà xoay 360 độ              |                                             |                                   |         | Bộ          | 4         |               |                  |
| 88  | Bộ lõi lọc nước số 1,2,3            |                                             |                                   |         | Bộ          | 6         |               |                  |
| 89  | Bộ khay úp cốc I nóc treo           |                                             |                                   |         | Cái         | 4         |               |                  |
| 90  | Cốc uống nước thủy tinh             |                                             |                                   |         | Cái         | 78        |               |                  |
| 91  | Comfo nước xả vải 1 lần xả          |                                             |                                   |         | Chai        | 209       |               |                  |
| 92  | Chăn băng lông                      |                                             |                                   |         | Cái         | 2         |               |                  |
| 93  | Cuốc có cán                         |                                             |                                   |         | Cái         | 1         |               |                  |
| 94  | Chổi chít cán dài                   |                                             |                                   |         | Cái         | 115       |               |                  |
| 95  | Chổi chít cán ngắn                  |                                             |                                   |         | Cái         | 2         |               |                  |
| 96  | Chổi dừa/ chổi cọ                   |                                             |                                   |         | Cái         | 20        |               |                  |
| 97  | Chổi để lười dài                    |                                             |                                   |         | Cái         | 35        |               |                  |
| 98  | Chổi lau nhà 360                    |                                             |                                   |         | Cái         | 4         |               |                  |
| 99  | Chổi nhựa quét nhà loại to          |                                             |                                   |         | Cái         | 18        |               |                  |
| 100 | Chổi nhựa quét nhà vệ sinh cán inox |                                             |                                   |         | Cái         | 54        |               |                  |

| STT | Tên hàng hóa, sản phẩm                 | Quy cách/thông số kỹ thuật hoặc tương đương | Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm | Xuất xứ | Đơn vị tính | Tổng cộng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|----------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------|---------|-------------|-----------|---------------|------------------|
| 101 | Chổi lau nhà vai sợi can inox bông to  |                                             |                                   |         | Cái         | 74        |               |                  |
| 102 | Chổi cọ nhà vệ sinh                    |                                             |                                   |         | Cái         | 28        |               |                  |
| 103 | Chổi quét trần nhà                     |                                             |                                   |         | Cái         | 15        |               |                  |
| 104 | Chổi lông quét bàn tủ                  |                                             |                                   |         | Cái         | 10        |               |                  |
| 105 | Chậu nhựa to đại (Giặt chân màn)       |                                             |                                   |         | Cái         | 2         |               |                  |
| 106 | Chậu nhựa to nhỏ                       |                                             |                                   |         | Cái         | 7         |               |                  |
| 107 | Catric mực máy in 2.900                |                                             |                                   |         | Hộp         | 2         |               |                  |
| 108 | Catric mực máy in Brother              |                                             |                                   |         | Hộp         | 2         |               |                  |
| 109 | Ca, gáo múc nước to                    |                                             |                                   |         | Cái         | 4         |               |                  |
| 110 | Cốc nhựa cứng bệnh nhân                |                                             |                                   |         | Cái         | 100       |               |                  |
| 111 | Cốc nhựa dung 1 lán (súc miệng răng)   |                                             |                                   |         | Cái         | 2500      |               |                  |
| 112 | Dao dọc giấy                           |                                             |                                   |         | Con         | 5         |               |                  |
| 113 | Dao con inox                           |                                             |                                   |         | Con         | 2         |               |                  |
| 114 | Dao phát cỏ                            |                                             |                                   |         | Cái         | 8         |               |                  |
| 115 | Dao lam                                |                                             |                                   |         | Hộp         | 4         |               |                  |
| 116 | Dao cắt bột loại dài                   |                                             |                                   |         | Cái         | 1         |               |                  |
| 117 | Dép nhựa trắng tổ ong                  |                                             |                                   |         | Đôi         | 94        |               |                  |
| 118 | Dây nịt                                |                                             |                                   |         | Túi to      | 15        |               |                  |
| 119 | Dây đũa buộc thuốc đông y/bệnh án      |                                             |                                   |         | Cuộn        | 22        |               |                  |
| 120 | Dây cấp nước chậu rửa                  |                                             |                                   |         | Bộ          | 5         |               |                  |
| 121 | Đèn sưởi                               |                                             |                                   |         | Cái         | 2         |               |                  |
| 122 | Điều khiển điều hòa                    |                                             |                                   |         | Cái         | 1         |               |                  |
| 123 | File đựng tài liệu 3 tầng deli         |                                             |                                   |         | Cái         | 2         |               |                  |
| 124 | Ấm chén uống nước                      |                                             |                                   |         | Bộ          | 6         |               |                  |
| 125 | Ấm đun nước điện siêu tốc              |                                             |                                   |         | Cái         | 7         |               |                  |
| 126 | Găng tay cao su dày dài                |                                             |                                   |         | Đôi         | 84        |               |                  |
| 127 | Gối đầu bệnh nhân                      |                                             |                                   |         | Cái         | 90        |               |                  |
| 128 | Giấy vệ sinh Tắt Trắng                 |                                             |                                   |         | Cuộn        | 3650      |               |                  |
| 129 | Giấy vệ sinh Emos                      |                                             |                                   |         | Cuộn        | 280       |               |                  |
| 130 | Găng tay nilon                         |                                             |                                   |         | Hộp         | 106       |               |                  |
| 131 | Ghế nhựa                               |                                             |                                   |         | Cái         | 12        |               |                  |
| 132 | Kéo cắt giấy deli                      |                                             |                                   |         | Cái         | 50        |               |                  |
| 133 | Kéo cắt bông gạc                       |                                             |                                   |         | Cái         | 2         |               |                  |
| 134 | Khăn bông trắng loại to                |                                             |                                   |         | Cái         | 22        |               |                  |
| 135 | Khăn lau tay/siêu âm                   |                                             |                                   |         | Cái         | 934       |               |                  |
| 136 | Khăn xô siêu âm 8 lớp                  |                                             |                                   |         | Cái         | 100       |               |                  |
| 137 | Khăn giấy vuông                        |                                             |                                   |         | Gói         | 24        |               |                  |
| 138 | Khóa viết tiếp nhỏ                     |                                             |                                   |         | Cái         | 10        |               |                  |
| 139 | Khóa viết tiếp to                      |                                             |                                   |         | Cái         | 10        |               |                  |
| 140 | Kim điện                               |                                             |                                   |         | Cái         | 1         |               |                  |
| 141 | Tô vít                                 |                                             |                                   |         | Cái         | 1         |               |                  |
| 142 | Keo dán Thiên Long                     |                                             |                                   |         | Lọ          | 1174      |               |                  |
| 143 | Nilon đựng rác thải y tế- 1 kg- Trắng  |                                             |                                   |         | Kg          | 140       |               |                  |
| 144 | Nilon đựng rác thải y tế- 10 kg- Trắng |                                             |                                   |         | Kg          | 87        |               |                  |
| 145 | Nilon đựng rác thải y tế- 30 kg- Trắng |                                             |                                   |         | Kg          | 22        |               |                  |
| 146 | Nilon đựng rác thải y tế- 50 kg- Trắng |                                             |                                   |         | Kg          | 5         |               |                  |
| 147 | Nilon đựng rác thải y tế- 30 kg- đen   |                                             |                                   |         | Kg          | 12        |               |                  |
| 148 | Nilon đựng rác thải y tế- 10 kg- đen   |                                             |                                   |         | Kg          | 24,5      |               |                  |
| 149 | Nilon đựng rác thải y tế- 5 kg- đen    |                                             |                                   |         | Kg          | 10        |               |                  |
| 150 | Nilon đựng rác thải y tế- 30 kg- vàng  |                                             |                                   |         | Kg          | 66        |               |                  |
| 151 | Nilon đựng rác thải y tế- 10 kg- vàng  |                                             |                                   |         | Kg          | 68        |               |                  |
| 152 | Nilon đựng rác thải y tế- 5 kg- vàng   |                                             |                                   |         | Kg          | 106       |               |                  |

| STT | Tên hàng hóa, sản phẩm               | Quy cách/thông số kỹ thuật hoặc tương đương | Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm | Xuất xứ | Đơn vị tính | Tổng cộng       | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|--------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------|---------|-------------|-----------------|---------------|------------------|
| 153 | Nilon đựng rác thải y tế- 50 kg-xanh |                                             |                                   |         | Kg          | 186             |               |                  |
| 154 | Nilon đựng rác thải y tế- 30 kg-xanh |                                             |                                   |         | Kg          | 117             |               |                  |
| 155 | Nilon đựng rác thải y tế- 20 kg-xanh |                                             |                                   |         | Kg          | 36              |               |                  |
| 156 | Nilon đựng rác thải y tế- 10 kg-xanh |                                             |                                   |         | Kg          | 63              |               |                  |
| 157 | Nilon đựng rác thải y tế- 5 kg-xanh  |                                             |                                   |         | Kg          | 88              |               |                  |
| 158 | Pin đồng hồ                          |                                             |                                   |         | Vi          | 95              |               |                  |
| 159 | Pin kẹp mạch /khí quản               |                                             |                                   |         | Đôi         | 60              |               |                  |
| 160 | Pin điều hoà                         |                                             |                                   |         | Vi          | 126             |               |                  |
| 161 | Pin huyết áp                         |                                             |                                   |         | Đôi         | 30              |               |                  |
| 162 | Pin tiểu loại to                     |                                             |                                   |         | Vi          | 20              |               |                  |
| 163 | Pin con thỏ to/điện châm             |                                             |                                   |         | Đôi         | 180             |               |                  |
| 164 | Phích cắm điện                       |                                             |                                   |         | Cái         | 10              |               |                  |
| 165 | Phích đun nước điện 3,6 lít          |                                             |                                   |         | Cái         | 2               |               |                  |
| 166 | Nước lau sàn nhà                     |                                             |                                   |         | Chai        | 32              |               |                  |
| 167 | Nước lau sàn nhà hương quế           |                                             |                                   |         | Chai        | 160             |               |                  |
| 168 | Nước rửa tay lifeboy                 |                                             |                                   |         | Chai        | 84              |               |                  |
| 169 | Nước rửa chén đĩa                    |                                             |                                   |         | Chai        | 108             |               |                  |
| 170 | Nước rửa lau kính                    |                                             |                                   |         | Chai        | 2               |               |                  |
| 171 | Nước tẩy rửa nhà vệ sinh(Okay)       |                                             |                                   |         | Chai        | 194             |               |                  |
| 172 | Nước tẩy Javen                       |                                             |                                   |         | Chai        | 12              |               |                  |
| 173 | Tẩy gồm bút chì                      |                                             |                                   |         | cái         | 15              |               |                  |
| 174 | Ni lông xanh                         |                                             |                                   |         | Mét         | 180             |               |                  |
| 175 | Ni lông trắng gói nền                |                                             |                                   |         | Mét         | 120             |               |                  |
| 176 | Nồi nhôm nhỡ                         |                                             |                                   |         | Cái         | 1               |               |                  |
| 177 | Làn nhựa vuông to sách thuốc         |                                             |                                   |         | Cái         | 4               |               |                  |
| 178 | Tụ quạt trần                         |                                             |                                   |         | Cái         | 10              |               |                  |
| 179 | Xà phòng giặt ô mô                   |                                             |                                   |         | Kg          | 469             |               |                  |
| 180 | Xà phòng rửa tay lifebuoy            |                                             |                                   |         | Chai        | 8               |               |                  |
| 181 | Cờ tổ quốc                           |                                             |                                   |         | Cái         | 1               |               |                  |
| 182 | Cờ Đảng                              |                                             |                                   |         | Cái         | 1               |               |                  |
| 183 | Cờ 6 màu(Cờ chuối)                   |                                             |                                   |         | Cái         | 20              |               |                  |
| 184 | Rổ nhựa đại                          |                                             |                                   |         | Cái         | 4               |               |                  |
| 185 | Thùng nhựa có nắp 30 lít             |                                             |                                   |         | Cái         | 3               |               |                  |
| 186 | Thùng nhựa có nắp 20 lít             |                                             |                                   |         | Cái         | 9               |               |                  |
| 187 | Thùng nhựa có nắp 10 lít             |                                             |                                   |         | Cái         | 2               |               |                  |
| 188 | Thùng đựng rác sinh hoạt 22 lít      |                                             |                                   |         | Cái         | 9               |               |                  |
| 189 | USB 16GB                             |                                             |                                   |         | Cái         | 6               |               |                  |
| 190 | Xèng có cán                          |                                             |                                   |         | Cái         | 2               |               |                  |
| 191 | Quạt cây điều khiển                  |                                             |                                   |         | Cái         | 2               |               |                  |
| 192 | Quả lọc nước phụ                     |                                             |                                   |         | Quả         | 14              |               |                  |
| 193 | Quả lọc nước thô                     |                                             |                                   |         | Bộ          | 6               |               |                  |
| 194 | Quả lọc nước R0                      |                                             |                                   |         | Quả         | 3               |               |                  |
| 195 | Vòi nước bệnh nhân                   |                                             |                                   |         | Cái         | 40              |               |                  |
| 196 | Vòi xịt nhà vệ sinh                  |                                             |                                   |         | Cái         | 8               |               |                  |
| 197 | Vòi nước chậu rửa                    |                                             |                                   |         | Cái         | 5               |               |                  |
| 198 | ùng cao su                           |                                             |                                   |         | Đôi         | 4               |               |                  |
| 199 | Phao bồn cầu                         |                                             |                                   |         | Bộ          | 26              |               |                  |
| 200 | Lọ thuốc xịt kiến gián               |                                             |                                   |         | Chai        | 4               |               |                  |
| 201 | Lịch để bàn                          |                                             |                                   |         | Quyển       | 16              |               |                  |
| 202 | Móc áo nhôm                          |                                             |                                   |         | Cái         | 30              |               |                  |
|     | <b>Cộng</b>                          |                                             |                                   |         |             | <b>24.561,5</b> |               | <b>-</b>         |